**BIỂU CHẤM ĐIỂM CỦA ĐẠI BIỂU CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN: Biểu số 03**

*(kem theo Hướng dẫn số: /HD-HĐND, ngày tháng 02 năm 2024 của Thường trực HĐND huyện)*

| **STT** | **NỘI DUNG CHẤM ĐIỂM** | **ĐIỂM TỐI ĐA** | **ĐIỂM CỤ THỂ VÀ ĐIỂM TRỪ** | **ĐIỂM DO ĐB TỰ CHẤM** | **ĐIỂM DO TẬP THỂ TỔ CHẤM** | **TÀI LIỆU KÈM CHỨNG CỨ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng** | **100** |  |  |  |  |
|  | **ĐIỂM CHẤM (I + II + III)** | **90** | **(Điểm cụ thể và điểm trừ)** |  |  |  |
| **I** | **Tham gia các kỳ họp HĐND huyện** | **30** |  |  |  |  |
| 1 | Tham gia đầy đủ các kỳ họp HĐND huyện | 10 | Vắng 01 kỳ họp trừ 2,0 điểm. |  |  |  |
| 2 | Tham gia thảo luận tại các Tổ thảo luận trong các kỳ họp thường lệ HĐND huyện (tổ thảo luận của kỳ họp, chứ không phải tổ đại biểu. Nội dung này giao VP theo dõi, chấm công) | 10 | Không có ý kiến phát biểu tại phiên thảo luận các tổ trừ 5,0 điểm/ kỳ họp. |  |  |  |
| 3 | Thực hiện chất vấn tại hội trường trong các kỳ họp thường lệ HĐND huyện 02 lần/năm. | 10 | * Tham gia 01 lần: 5,0 điểm * Tham gia từ 02 lần trở lên 10 điểm. * Không tham gia chất vấn lần nào: 0 điểm. |  |  |  |
| **II** | **Tiếp xúc cử tri, giám sát giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri** | **20** |  |  |  |  |
| 1 | Tham gia các cuộc TXCT trước và sau kỳ họp HĐND (4 cuộc/năm); Kịp thời báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp, phổ biến giải thích nghị quyết của HĐND các cấp. | 10 | * Đại biểu tham gia 01 cuộc TXCT được 2,5 điểm. * Đại biểu không tham gia TXCT có lý do chính đáng được 1,5 điểm/ cuộc. |  |  |  |
| 2 | Giám sát và báo cáo kết quả theo dõi việc giải quyết các ý kiến cử tri theo sự phân công của Tổ đại biểu HĐND (thực hiện báo cáo 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm) | 10 | -Mỗi báo cáo được tính 2,5 điểm   * Không báo cáo kết quả giám sát giải quyết đến cử tri được phân công đến Tổ trưởng thì trừ 2,5 điểm/ 01 báo cáo. |  |  |  |
| **III** | **Tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu** | **40** |  |  |  |  |
| 1 | Tham dự các cuộc họp Tổ theo định kỳ hằng quý *(Không được vắng quá 02 cuộc họp/năm)*. | 10 | Vắng mặt 01 cuộc họp không được sự đồng ý của Tổ trưởng trừ 2,5 điểm. |  |  |  |
| 2 | Phản ánh tình hình, đề xuất các vấn đề có liên quan và tham gia thảo luận trong các cuộc họp Tổ đại biểu | 10 | -Không phản ánh tình hình, đề xuất các vấn đề có liên quan trong mỗi cuộc họp Tổ trừ 2,5 điểm.   * Không có ý kiến phát biểu thảo luận trong mỗi cuộc họp Tổ trừ 2,5 điểm. |  |  |  |
| 3 | Đề xuất nội dung phục vụ công tác giám sát của HĐND, TTHĐND huyện theo yêu cầu của Thường trực HĐND huyện (trước ngày 01/3 hàng năm) | 10 | * Đề xuất được 01 nội dung thì được 5,0 điểm; đề xuất được 02 nội dung trở lên thì được 10 điểm. |  |  |  |
| 4 | Đề xuất với Tổ nội dung chất vấn hoặc nội dung thảo luận tại kỳ họp | 10 | * Đề xuất 01 nội dung chất vấn hoặc 01 nội dung thảo luận được Thường trực lựa chọn được 10 điểm. |  |  |  |
|  | **ĐIỂM THƯỞNG** | **10** | **(Cộng điểm thưởng nhưng không quá điểm tối đa)** |  |  |  |
| 1 | Đề xuất được 01 nội dung kiến nghị với cấp tỉnh, Trung ương để có giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản dưới luật; nghị quyết HĐND tỉnh tại địa phương, ngành, lĩnh vực. | 05 |  |  |  |  |
| 2 | Đề xuất với Thường trực HĐND huyện nội dung chất vấn hoặc nội dung thảo luận tại kỳ họp | 05 |  |  |  |  |